

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2024

## THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: .....

Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương đang có kế hoạch lựa chọn đơn vị thực hiện công việc cụ thể như sau:

- Đánh giá nước ăn uống (tức nước sạch dùng để nấu ăn) theo tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT;
- Đánh giá nước uống trực tiếp từ vòi máy lọc nước theo tiêu chuẩn QCVN 6-1:2010/BYT;
- Đánh giá nước thải từ hệ thống xử lý nước thải theo tiêu chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT;
- Quan trắc không khí xung quanh theo tiêu chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT;
- Quan trắc đánh giá hoạt động quản lý chất thải rắn theo quy định tại thông tư 20/2021/TT-BYT.

Xin xem bản phụ lục đính kèm.

**1. Mục đích báo giá:** Làm cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

**2. Thời hạn gửi báo giá:** trước 16h 00, ngày tháng năm 2024.

**3. Yêu cầu báo giá:**

- Về giá: Giá theo thị trường đã bao gồm thuế VAT và tất cả các loại thuế, phí, lệ phí liên quan.
- Về khối lượng, chất lượng: Nhà thầu đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ và các nội dung theo yêu cầu của thư chào giá.
- Báo giá có hiệu lực tối thiểu 03 tháng kể từ ngày phát hành.
- Gửi kèm bản sao giấy phép Đăng ký kinh doanh của Quý Công ty.

**4. Hình thức gửi báo giá:** Đề nghị Quý Công ty gửi bản cứng (có ký và đóng dấu), gửi trực tiếp hoặc theo đường bưu điện (trường hợp gửi bưu điện thời gian nhận báo giá phải trước thời hạn gửi báo giá quy định tại mục 2).

**5. Địa điểm nhận báo giá:** Phòng 132, bộ phận Văn thư, Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương, Phố Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy - Hà Nội.





**6. Cần tìm hiểu thêm thông tin:** Xin liên hệ Trưởng phòng Quản trị: Ths. Nguyễn Thị Quỳnh Chi 024.37821895 (683).

Quý đơn vị có quyền góp ý nếu thông tin trên chưa đầy đủ, có tính chất chỉ định hoặc có phương án đề xuất với mục đích sản phẩm và dịch vụ có chất lượng tốt hơn, hiệu quả hơn xin vui lòng góp ý. Viện sẽ xem xét hoàn thiện hồ sơ theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

**KT. VIỆN TRƯỞNG** 

**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



**Lê Lâm**



## PHỤ LỤC

(Đính kèm Thư mời chào giá ngày 14 tháng 03 năm 2024)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tổng số mẫu	Số lần lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu
<b>I</b>	<b>Nước ăn uống (tức nước sạch dùng để nấu ăn)</b>				
1	Độ đục	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
2	Độ pH	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
3	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
4	Clorua	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
5	Hàm lượng Sắt	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
6	Hàm lượng Nitrat (NO <sub>3</sub> -)	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
7	Hàm lượng Nitrit (NO <sub>2</sub> -)	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
8	Hàm lượng Sulfat (SO <sub>4</sub> )	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
9	Chỉ số Pecmanganat	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
10	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
11	Hàm lượng Nhôm	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
12	Hàm lượng mangan tổng số	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
13	Hàm lượng Chì	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
14	Hàm lượng Amoni	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
15	Hàm lượng Asen	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước

SP



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tổng số mẫu	Số lần lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu
16	Hàm lượng Thủy ngân	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
17	Hàm lượng Cadimi	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
18	Hàm lượng Đồng tổng số	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
19	Hàm lượng Kẽm	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
20	Coliform tổng số	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
21	E.coli	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước
22	Hàm lượng Florua	Mẫu	8	1 lần/quý x 4 quý	2 bể ngầm chứa nước

## II. Nước uống trực tiếp từ vòi máy lọc nước

1	Antimony, mg/l	Mẫu	20	1 lần/ cây lọc/ năm	Tại các khoa lâm sàng
2	Arsen, mg/l	Mẫu	20		
3	Bari, mg/l	Mẫu	20		
4	Bor, mg/l	Mẫu	20		
5	Bromat, mg/l	Mẫu	20		
6	Cadmi, mg/l	Mẫu	20		
7	Clor, mg/l	Mẫu	20		
8	Clorat, mg/l	Mẫu	20		
9	Clorit, mg/l	Mẫu	20		
10	Crom, mg/l	Mẫu	20		
11	Đồng, mg/l	Mẫu	20		
12	Xyanid, mg/l	Mẫu	20		
13	Flourid, mg/l	Mẫu	20		
14	Chì, mg/l	Mẫu	20		
15	Managan, mg/l	Mẫu	20		

sp



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tổng số mẫu	Số lần lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu
16	Thủy ngân, mg/l	Mẫu	20		
17	Molybden, mg/l	Mẫu	20		
18	Nickel, mg/l	Mẫu	20		
19	Nitrat 5, mg/l	Mẫu	20		
20	Nitrit 5, mg/l	Mẫu	20		
21	Selen, mg/l	Mẫu	20		
22	E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt	Mẫu	20		
23	Coliform tổng số	Mẫu	20		
24	Streptococci Feecal	Mẫu	20		
25	Bao tử vi khuẩn kỵ khí khử sunfit (vi khuẩn gây bệnh)	Mẫu	20		
26	Pseudomonas aeruginosa	Mẫu	20		
<b>III</b>	<b>Nước thải từ hệ thống xử lý nước thải:</b>				
1	pH	Mẫu	15	3 mẫu/lần x 4 quý + 3 mẫu kiểm định lại khi có bất thường	Tại 2 điểm xả, và 1 điểm đầu vào trước khi xử lý
2	BOD <sub>5</sub>	Mẫu	15		
3	COD	Mẫu	15		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	Mẫu	15		
5	NO <sup>3-</sup>	Mẫu	15		
6	NH <sup>4+</sup>	Mẫu	15		
7	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	Mẫu	15		
8	S <sup>2-</sup>	Mẫu	15		
9	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	15		
10	Coliform	Mẫu	15		
11	Salmonella	Mẫu	15		
12	Shigella	Mẫu	15		
13	Vibria cholera	Mẫu	15		
<b>IV</b>	<b>Quan trắc Không khí xung quanh</b>				
1	NH <sub>3</sub>	Mẫu	14	7 mẫu/lần x 2 lần/năm	

SP



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tổng số mẫu	Số lần lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu
2	HCHO	Mẫu	14	7 mẫu/lần x 2 lần/năm )	Tại các vị trí quy định trong Đề án BVMT chi tiết được bộ y tế phê duyệt
3	Tổng Hydrocacbon	Mẫu	14	7 mẫu/lần x 2 lần/năm	
4	SO2	Mẫu	14	7 mẫu/lần x 2 lần/năm	
5	CO	Mẫu	14	7 mẫu/lần x 2 lần/năm	
6	NO2	Mẫu	14	7 mẫu/lần x 2 lần/năm	
<b>V</b>	<b>QUAN TRẮC CHẤT THẢI RẮN</b>				
	Báo cáo đánh giá phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn y tế (chất thải tái chế, sinh hoạt, nguy hại) theo đúng quy định tại thông tư số 20/2021/TT-BYT, gồm	Đợt	4	40 khoa/1 lần	Tại tất cả các khoa/phòng
1	<i>Đánh giá phân loại chất thải rắn y tế</i> - Chất thải tái chế - Chất thải nguy hại lây nhiễm - Chất thải nguy hại không lây nhiễm - Chất thải sinh hoạt				
2	<i>Đánh giá Thu gom chất thải y tế</i> - Chất thải tái chế - Chất thải nguy hại lây nhiễm - Chất thải nguy hại không lây nhiễm - Chất thải sinh hoạt				
3	<i>Đánh giá lưu giữ chất thải y tế</i> - Chất thải tái chế - Chất thải nguy hại lây nhiễm - Chất thải nguy hại không lây nhiễm - Chất thải sinh hoạt				
4	<i>Đánh giá vận chuyển xử lý chất thải y tế</i> - Chất thải tái chế - Chất thải nguy hại lây nhiễm - Chất thải nguy hại không lây nhiễm - Chất thải sinh hoạt				

